

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

TỔNG KẾT TOÀN DIỆN KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Dự án "Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế- xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà), xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng".

Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998-2002.

Cao bằng, tháng 10 năm 2002.

Số: 35/2002/HĐNT - KH&CN

Cao Bằng, ngày 15 tháng 11 năm 2002

BIÊN BẢN

Hội nghị Nghiên cứu dự án : Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc sen(huyện Quảng hoà), xã Đa thông (huyện Thông nông) tỉnh Cao Bằng.

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2002, tại Sở Khoa học, công nghệ và môi trường (KH&CN&MT) Cao Bằng , Hội đồng khoa học và công nghệ(HĐKH&CN) tỉnh đã tiến hành Hội nghị nghiên cứu dự án cấp nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh, thuộc chương trình phát triển nông thôn miền núi: Dự án "**Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc sen(huyện Quảng hoà), xã Đa thông(huyện Thông nông) tỉnh Cao Bằng**". Do ông Nông Đình Hai làm chủ nhiệm và Sở KH&CN&MT chủ trì thực hiện.

I. Thành phần Hội đồng gồm có :

1. Ông Nông Văn Páo - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng - Chủ tịch Hội đồng nghiên cứu.
2. Ông Đàm Vĩnh Kiên - Trưởng phòng Quản lý KH&CN, Sở Khoa học, công nghệ và môi trường - Thư ký Hội đồng.
3. Ông Đặng Trọng Sơn - Phó giám đốc Sở Tài chính, vật giá- Ủy viên.
4. Ông Lê Quốc Doanh - TS. Phó Viện trưởng Viện Khoa học nông nghiệp Việt nam.
5. Bà Đinh Thị Hoà - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch đầu tư- Ủy viên.
6. Ông Phan Thông - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT-Ủy viên.
7. Ông Nông Vĩnh Trung - Chủ tịch UBND huyện Quảng uyên - Ủy viên
8. Ông Nguyễn Văn Đặng - CV Văn phòng HĐND&UBND tỉnh- Ủy viên.
9. Bà Nguyễn Thị Bình - Phó giám đốc Trung tâm khuyến nông, khuyến lâm tỉnh - Ủy viên.
10. Ông Lương Văn Mạo - Chủ tịch UBND xã Phúc sen, huyện Quảng uyên- Ủy viên.
11. Ông Hoàng Minh Dương - Chủ tịch UBND xã Đa thông, huyện Thông nông - Ủy viên.

* Đại diện UBND huyện Thông nông: có mời nhưng vắng.

*** Cơ quan chủ trì thực hiện :**

1. Ông Hoàng Giang - Phó giám đốc Sở KH&CN&MT Cao Bằng .
2. Ông Nông Đình Hai - Giám đốc Sở KH&CN&MT- Chủ nhiệm dự án.
3. Ông Lê Vinh Thảo - TS.Trưởng bộ môn chọn tạo giống lúa, Viện Khoa học nông nghiệp.
4. Ông Hoàng Quốc Lâm - CV Sở KH&CN&MT Cao Bằng.
5. Ông Phạm Thế Dân - KS. Viện Khoa học nông nghiệp.

*** Hội đồng mời:**

1. Ông Nông Hồng Môn - Trưởng phòng Tổng hợp, Sở Khoa học, công nghệ và môi trường .
2. Bà Bé Thị Phấn - Kế toán, Sở Khoa học, công nghệ và môi trường .
3. Bà Nguyễn Thị Yêng - Cán bộ Sở Khoa học, công nghệ và môi trường.

II. Nội dung :

Sau khi nghe ông Lê Vinh Thảo - Chủ trì thực hiện, trình bày nội dung Báo cáo tổng kết toàn diện dự án, hội đồng đã tiến hành thảo luận, phân tích, đánh giá về các nội dung đã thực hiện, đồng thời nghe giải trình của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án .

Hội đồng thống nhất đánh giá và kết luận như sau :

1. Dự án đã thực hiện được các mô hình có kết quả năng suất cao với mức thâm canh theo mô hình và điều kiện của địa phương. Báo cáo đã nêu được những số liệu và đánh giá được kết quả trong quá trình thực hiện.
2. Dự án đã tạo điều kiện cho bà con nông dân tiếp xúc và áp dụng kỹ thuật thâm canh, giống mới.
3. Những điểm tồn tại và cần bổ sung.
 - Báo cáo chưa làm rõ được hiệu quả của từng mô hình, tính trên đơn vị diện tích (ha). Và so sánh với các mô hình khác đã được thực hiện trên Cao Bằng.
 - Cần nêu rõ hơn sự đóng góp của dự án cho địa bàn thực hiện : về kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật...
 - Khẳng định chắc chắn việc nhân rộng của từng mô hình ra các địa bàn khác trong tỉnh và có tài liệu biên soạn cụ thể cho từng giống cây, con đã tham gia mô hình của dự án.
 - Cần có báo cáo chi tiết về phần tài chính đã thực hiện của dự án.

5. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá :

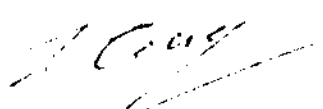
- Tổng số : 11 phiếu. Kết quả : xuất sắc 01 phiếu, khá : 08 phiếu, đạt : 02 phiếu.

* - Kết quả chung : Đạt loại Khá

Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá. Đề nghị cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án khẩn trương bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo tổng kết dự án và các tài liệu liên quan để Hội đồng Khoa học và công nghệ cấp nhà nước tổ chức nghiệm thu dự án.

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH CAO BẰNG



Đàm Vĩnh Kiên

Nơi nhận :

- Chủ nhiệm dự án.
- Văn phòng chương trình phát triển NT-MT.
- Thường trực HĐKH&CN.
- Các thành viên Hội đồng.
- Sở KH&CN&MT.
- Sở Tài chính -vật giá.
- Lưu TH, QLKH&CN.



Nông Văn Páo

BÁO CÁO TỔNG KẾT

TOÀN DIỆN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ
MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 1998 - 2002

=====

Tên dự án: Dự án ứng dụng tiến bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế- xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà), xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng.

Chỉ số phân loại:
Số đăng ký đề tài:
Chỉ số lưu trữ:

Tên cán bộ phối hợp nghiên cứu, thực hiện, chức vụ, học vị khoa học

- 1* - Lê Quốc Doanh - Phó Viện trưởng Viện KHKT nông nghiệp Việt Nam.
- 2* - Nguyễn Đình Thảo - Trưởng bộ môn lúa Viện KHKT nông nghiệp Việt Nam.
- 3* - Hoàng Quốc Lâm - Chuyên viên Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường Cao Bằng.
- 4* - Lương Văn Mạo - Chủ tịch UBND xã Phúc Sen huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng.
- 5* - Hoàng Minh Dương - Chủ tịch UBND xã Đa Thông huyện Thông Nông tỉnh Cao Bằng.
- 6* - Nguyễn Xuân Dũng - Kỹ sư Viện KHKT nông nghiệp Việt Nam.
- 7* - Phạm Văn Dân - Kỹ sư Viện KHKT nông nghiệp Việt Nam

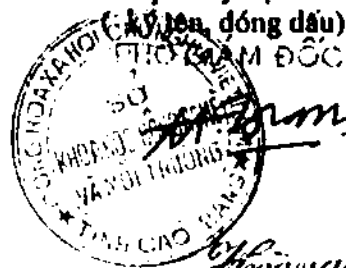
Ngày 10 tháng 10 năm 2002
Chủ nhiệm dự án
(ký tên)

Nguyễn Đình Thảo

Nguyễn Đình Thảo

Ngày 10 tháng 10 năm 2002
Thủ trưởng cơ quan
chủ trì
(ký tên, đóng dấu)

Ngày 10 tháng 10 năm 2002
Thủ trưởng cơ quan
quản lý dự án
(ký tên, đóng dấu)



Ngày 15 tháng 11 năm 2002

Chủ tịch Hội đồng
đánh giá chính thức
(ký tên, đóng dấu)

Hoàng Lương
Yên Sơn
2

MỤC LỤC

PHẦN A: MỞ ĐẦU	3
PHẦN B: NỘI DUNG BÁO CÁO	
I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	3
II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN	
1- Mô hình thâm canh lúa & một số cây màu	4
2- Mô hình cây ăn quả	5
3- Mô hình chăn nuôi.....	5
PHẦN C: KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN	5
I- CÁC MÔ HÌNH TRỒNG TRỌT	
1- Mô hình thâm canh lúa	5
2- Mô hình khoai tây	8
3- Mô hình đậu tương	9
II- MÔ HÌNH TRỒNG CÂY ĂN QUẢ	10
III- MÔ HÌNH CHĂN NUÔI	
1- Mô hình nuôi lợn móng cái & dục Landrattee	11
2- Mô hình chăn nuôi gà lương phượng	12
IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG HUẤN LUYỆN, TUYÊN TRUYỀN & PHỔ BIẾN KỸ THUẬT	
1- Huấn luyện cán bộ và phổ biến kỹ thuật cho nông dân	13
2- Các loại tài liệu đã được biên soạn	13
3- Tổ chức thăm quan đầu bờ học tập các mô hình tiên tiến.....	14
4- Thông tin tuyên truyền	14
PHẦN D: HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN	
1- Nhận xét chung về kết quả thực hiện dự án	14
2- Hiệu quả trực tiếp của dự án	15
3- Hiệu quả về xã hội	16
PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
I- Kết luận	17
II- Kiến nghị	18

PHẦN A: MỞ ĐẦU

Cao Bằng là một tỉnh miền núi Phía Bắc có diện tích đất tự nhiên là 6630,2km² trong đó đất nông nghiệp chiếm 8,6% chủ yếu là ruộng bậc thang và nương rẫy, được xếp vào một trong những tỉnh khó khăn và nghèo nhất của cả nước. Tính đến năm 1998 cả tỉnh còn khoảng 30293 hộ đói nghèo chiếm 30,8% tổng số hộ toàn tỉnh thu nhập bình quân đầu người những hộ chỉ đạt 55.000 đồng người/tháng. Sản xuất nông nghiệp là chính và mang nặng tính tự cung tự cấp, lưu thông hàng hoá còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng yếu kém như giao thông thuỷ lợi, điện và các cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất...Chính vì vậy nền kinh tế của tỉnh còn chưa phát triển mạnh còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên và các điều kiện môi trường xã hội khác.

Thực hiện nghị quyết 22 của Bộ chính trị và quyết định số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là chính phủ) về việc phát triển toàn diện kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi. Theo đề nghị của UBND tỉnh Cao Bằng, dự án "Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà) xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng", thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn Miền núi giai đoạn 1998 - 2002 được Bộ Khoa học Công nghệ & Môi trường quyết định phê duyệt thực hiện, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam chuyển giao công nghệ.

Sau 2 năm thực hiện, dự án đã đạt được nhiều kết quả tốt, những mô hình điển hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nâng cao năng suất & chất lượng cây con ở vùng cao núi đá được bà con nông dân nhiệt tình hưởng ứng thực hiện, nhân rộng trong sản xuất.

PHẦN B: NỘI DUNG BÁO CÁO

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN.

1. Xây dựng một số mô hình nông nghiệp điển hình. Chuyển giao có kỹ thuật tiên bộ, khoa học công nghệ về nông nghiệp để góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế và nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá Cao Bằng, cụ thể:

*** Mô hình thâm canh lúa:** Nhằm đưa năng suất lúa từ 7,5 tấn/ha/năm lên 9,0 tấn/ha/năm.

PHẦN A: MỞ ĐẦU

Cao Bằng là một tỉnh miền núi Phía Bắc có diện tích đất tự nhiên là 6630.2km² trong đó đất nông nghiệp chiếm 8.6% chủ yếu là ruộng bậc thang và nương rẫy, được xếp vào một trong những tỉnh khó khăn và nghèo nhất của cả nước. Tính đến năm 1998 cả tỉnh còn khoảng 30293 hộ đói nghèo chiếm 30,8% tổng số hộ toàn tỉnh thu nhập bình quân đầu người những hộ chỉ đạt 55.000 đồng người/tháng. Sản xuất nông nghiệp là chính và mang nặng tính tự cung tự cấp, lưu thông hàng hoá còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng yếu kém như giao thông thuỷ lợi, điện và các cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất...Chính vì vậy nền kinh tế của tỉnh còn chưa phát triển mạnh còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên và các điều kiện môi trường xã hội khác.

Thực hiện nghị quyết 22 của Bộ chính trị và quyết định số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là chính phủ) về việc phát triển toàn diện kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi. Theo đề nghị của UBND tỉnh Cao Bằng, dự án "Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà) xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng", thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn Miền núi giai đoạn 1998 - 2002 được Bộ Khoa học Công nghệ & Môi trường quyết định phê duyệt thực hiện, *Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam* chuyển giao công nghệ.

Sau 2 năm thực hiện, dự án đã đạt được nhiều kết quả tốt, những mô hình điển hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nâng cao năng suất & chất lượng cây con ở vùng cao núi đá được bà con nông dân nhiệt tình hưởng ứng thực hiện, nhân rộng trong sản xuất.

PHẦN B: NỘI DUNG BÁO CÁO

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN.

1. Xây dựng một số mô hình nông nghiệp điển hình. Chuyển giao có kỹ thuật tiên bộ, khoa học công nghệ về nông nghiệp để góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế và nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá Cao Bằng, cụ thể:

• **Mô hình thâm canh lúa:** Nhằm đưa năng suất lúa từ 7,5 tấn/ ha/năm lên 9,0 tấn/ ha/năm.

- * **Mô hình cây khoai tây vụ đông:** Năng suất đạt 18-20 tấn/ha.
- * **Mô hình đậu tương xuân:** Nhằm đưa năng suất từ 1 tấn/ha lên 1.5 tấn /ha.
- * **Mô hình cây ăn quả:** Diện tích 15 ha, trồng các loại cây có giá trị cao như mít, mận, hồng... tăng thu nhập cho các hộ tham gia. Sau 3 năm khi có sản phẩm thu hoạch đạt 10 triệu/ hộ/năm.
- * **Mô hình chăn nuôi gà:** Chuyển giao 1 số giống gà mới chất lượng tốt để nuôi theo hướng sản xuất chung, thịt. Tăng hiệu quả kinh tế chăn nuôi lên 20-30% quy mô 50 hộ/2 năm, mỗi hộ 30-40 con.
- * **Mô hình chăn nuôi lợn:** Chuyển giao một số giống lợn đực ngoại, lợn lai Móng cái thuần chủng để nuôi theo hướng cải tạo và nâng cao chất lượng đàn lợn hiện có của địa phương, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi cho các hộ nông dân.

2. Mục tiêu nhân rộng kết quả các mô hình ra sản xuất:

Từ các kết quả của các mô hình triển khai tại 2 xã Phúc Sen và Đa Thông, nhân rộng ra các xã có điều kiện tương tự của tỉnh Cao Bằng & các vùng cao núi miền núi phía Bắc Việt Nam.

3. Mục tiêu đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên là nông dân.

Góp phần đào tạo, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, xã hội, kỹ thuật thực tế và đạo sản xuất cho 10 cán bộ cấp huyện, xã và khoảng trên 20 kỹ thuật viên, khoảng 2000 lượt nông dân. Đội ngũ cán bộ & nông dân này sẽ được đào tạo trình độ lý lý, kỹ thuật khuyến nông, khuyến lâm trong sản xuất nông nghiệp có thể giải quy và áp dụng vào các địa bàn tương tự.

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN.

1. Xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất lúa và một số cây màu:

- * **Mô hình lúa:**
 - Địa điểm: Tại xã Phúc Sen và Đa Thông
 - Quy mô: 50 ha /2 năm/2 xã.
 - Xây dựng mô hình thâm canh bằng các giống lúa thuần, lúa lai, chất lượng cao của Việt Nam và Trung Quốc: BM9820, Xi23, AYT 77, N97...giống lúa tạp giao
- * **Mô hình thâm canh khoai tây vụ Đông.**
 - Địa điểm: Tại xã Phúc Sen.
 - Quy mô: 15ha /2 năm.
 - Xây dựng mô hình khoai tây đông bằng các giống khoai tây chất lượng và năng suất cao: KT3, Hồng hà 2, hồng hà 7, khoai tây lai, khoai tây Hà Lan.
- * **Mô hình thâm canh cây đậu tương:**
 - Địa điểm: Tại xã Phúc Sen.

- Quy mô: 20ha/2 năm.
- Các giống đậu tương được trồng là AK06, VX93, DT84 là các giống đậu tương năng suất cao, thích ứng rộng và phẩm chất tốt.

2. Xây dựng mô hình trồng cây ăn quả:

- Địa điểm: một số thôn bản của xã Phúc Sen.
- Quy mô: 15 ha cây ăn quả/2 năm.
- Quy trình công nghệ: Đầu tư các giống cây ăn quả có chất lượng, phù hợp điều kiện tự nhiên, khí hậu địa phương như: Na, mận mật, hồng, ...hiệu chỉnh liều, hướng dẫn tập huấn các biện pháp kỹ thuật trồng và chăm sóc có từng 1 giống.

3. Xây dựng mô hình chăn nuôi.

- * Địa điểm thực hiện: Tại xã Phúc Sen.
- * Mô hình chăn nuôi gà:
 - Xây dựng mô hình bằng các giống gà có năng suất cao thịt chất lượng tốt: Lương Phượng...
 - Quy mô: 50 hộ /2 năm, mỗi hộ 30-40 con.
- * Mô hình chăn nuôi lợn:
 - Xây dựng mô hình bằng các giống lợn tốt: Dục ngoại Landrat, lợn nái Móng Thuần chủng.
 - Quy mô 50 hộ nuôi lợn lái, 2 hộ nuôi lợn dục, mỗi hộ 1 con.

PHẦN C: KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I - CÁC MÔ HÌNH TRỒNG TRỌT

1. Mô hình thâm canh lúa: Diện tích 50 ha.

1.1. Quy mô mô hình & diện tích thực hiện được.

- * Mô hình lúa mùa năm 2000 được triển khai thực hiện tại 3 thôn bản: Bản Chan Bản Giàng, Đà Sa của xã Đa Thông với diện tích là 15 ha với các giống BM98. (10 ha) nếp N97 (0,2 ha) và Tạp giao 5 (4,8 ha).
- * Vụ xuân năm 2001 dự án triển khai tiếp tại 4 thôn bản của xã Đa Thông với diện tích là 10 ha với các giống BM9820 (8,8 ha) nếp N97 (0,4 ha) và AYT (0,8 ha)

* Mô hình thâm canh lúa mùa 2001 (2 ha) tại 4 thôn bản của xã Phúc Sen huyện Quảng Hoà với diện tích là 2 ha. Các giống lúa được đưa vào gieo trồng là BM9820 (1ha), Xi23 (1ha).

* Trên cơ sở vụ mùa năm 2000, vụ xuân năm 2001 dự án đã triển khai thực hiện tiếp vụ lúa xuân 2002, tại 10 thôn bản của xã Đa Thông với diện tích là 23 ha. Các giống lúa được đưa vào vụ này là nếp N97 (2,5 ha), AYT77 (18 ha) và DV108(2,5ha).

Đây là các giống lúa thuần do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam nghiên cứu chọn tạo ra, có năng tiềm năng năng suất cao và có tính thích ứng rộng. DV108 là giống lúa thuần của Trung Quốc có năng suất và độ ổn định tương đối cao, có tính thích ứng rộng.

1.2. Kết quả đạt được.

- Qua hai năm triển khai đã thực hiện được mục tiêu mô hình: Đưa giống lúa mới các loại vào gieo trồng trên 50 ha.
- Mở lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật thâm canh các giống lúa mới cho 422 lượt bà con nông dân. Ngoài ra còn phát tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cụ thể từng loại giống lúa cho các cán bộ địa phương và đông đảo bà con nông dân.
- Xây dựng quy trình phân bón cân đối và hợp lý cho từng loại giống cụ thể và phù hợp với điều kiện đất đai địa phương.
- Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật dự án của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp cùng với các kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở, ban tiếp nhận dự án của xã thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng phát triển của các giống lúa, phát hiện kịp thời sâu bệnh hại đưa ra các giải pháp xử lý kịp thời và hữu hiệu.
- Kết quả các giống lúa khi bà con đem ngâm ủ đều có tỷ lệ nảy mầm cao trên 90%, sinh trưởng và phát triển khá tốt. Thể hiện mức độ phù hợp với điều kiện khí hậu và đất đai tại đây.
- Do bà con gieo trồng đảm bảo kỹ thuật, hướng dẫn, nên các giống lúa phát triển khá tốt. Năng suất các giống lúa trong mô hình của dự án đều cho năng suất tương đối cao: Nếp N97: 8 tấn/ha, AYT77 đạt 7 tấn/ha. Chúng tôi đã tiến hành thống kê và đánh giá năng suất các giống lúa như sau:

Vụ xuân 2002 tại Đa Thông

• Giống Nếp N97	cho năng suất	TB : 6,0 tấn/ha.
• Giống AYT77	cho năng suất	TB : 5,6 tấn/ha.
• Giống DV108	cho năng suất	TB : 5,8 tấn/ha.
• Giống Đoàn kết của địa phương	cho năng suất	TB : 4,8 tấn/ha.

Vụ mùa năm 2002 tại Đa Thông

• Giống BM9820	cho năng suất	TB : 6,2 tấn/ha
• Giống Nếp N97	cho năng suất	TB : 6,0 tấn/ha
• Giống AYT77	cho năng suất	TB : 5,8 tấn/ha
• Giống Đoàn kết của địa phương	cho năng suất	TB : 4,8 tấn/ha

Vụ mùa năm 2001 tại Phúc sen

• Giống BM9820	cho năng suất	TB : 6,0 tấn/ha.
• Giống Xi23	cho năng suất	TB : 5,8 tấn/ha.
• Giống Đoàn kết của địa phương	cho năng suất	TB : 4,8 tấn/ha.

Các giống lúa Dự án đưa vào đều cho năng suất TB cao hơn hẳn giống lúa tại địa phương, đặc biệt có một số hộ làm đúng quy trình hướng dẫn đã đạt được năng suất 8,2 tấn/ha (giống BM9820), 7,2 tấn/ha (giống N97) (hộ gia đình ông Hoàng Dương- Bản Chang, ông Chiến - Đà sa), 6,8 tấn/ha (giống Xi23),(hộ gia đình anh Nông văn Đình- Bản Chang trên). Điều này cho thấy các giống lúa Dự án cung cấp có tiềm năng năng suất cao, thích nghi với điều kiện địa phương và khả năng tiếp thu kỹ thuật mới của đồng bào rất tốt.

Giống BM9820 và giống nếp N97, giống Xi23 cho năng suất cao được bà con ở đây rất ưa chuộng. Đặc biệt có những hộ chăm sóc đúng kỹ thuật đạt năng suất rất cao: Ngoài ra giống lúa ngắn ngày AYT77 cũng cho năng suất tương đối cao, cơm ngon cũng được chấp nhận và đưa vào cơ cấu bố trí thời vụ vì là giống ngắn ngày.

Qua các vụ lúa thực hiện trên địa bàn chúng tôi có thể khẳng định giống nếp N97, giống AYT77 rất phù hợp với điều kiện địa phương và được đồng bào ưa chuộng và nhân rộng diện tích sản xuất. Tuy nhiên giống BM9820 cho năng suất cao nhưng cơm không ngon nên bà con ở đây thực hiện với diện tích hạn chế.

1.3. Hiệu quả kinh tế.

- Nếu tính trong quy mô sản xuất lúa mới của dự án cung cấp, sản lượng lúa tăng thêm được 10 - 11 tấn lúa 1 vụ, so với sản xuất giống địa phương.

- Với các giống lúa mới, được học tập và bồi dưỡng kiến thức mới. Bà con nông dân ở đây đã có tự mình nâng cao được năng suất lúa lên 20 - 25%. So với các giống cũ của địa phương bằng các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa đã được dự án hướng dẫn.

*** Đánh giá chung mô hình:**

- Trong thời gian thực hiện dự án xây dựng mô hình giống lúa mới tại hai xã Đa Thông và Phúc Sen, cho thấy các biện pháp khoa học, công nghệ áp dụng trong thâm canh lúa, các hộ gia đình đã thực hiện đúng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn nên đã cho năng suất cao hơn so với giống lúa địa phương đã chứng tỏ tính đúng đắn của quy trình được áp dụng.

- Mô hình sản xuất các giống lúa thuần là mô hình thích hợp và có giá trị cao rất phù hợp với nguyện vọng của đảng ủy, chính quyền và nhân dân trong 2 xã Phúc Sen và Đa Thông. Đặc biệt các giống lúa thuần nếp N97, AYT77, Xi23 đã được đánh giá là các giống tốt có tiềm năng năng suất cao, phù hợp với điều kiện địa phương và có thể thay thế các giống lúa cũ của địa phương.

2. Mô hình khoai tây đông:

2.1 Quy mô mô hình & diện tích thực hiện.

- Sau khi đã xác định cây khoai tây là cây có thể phát triển tốt trong điều kiện vụ đông tại xã Phúc Sen, dự án đã đầu tư giống để xây dựng mô hình 19,5 ha. Vụ đông năm 2000 là 8 ha, vụ đông năm 2001, tại 10 thôn bản với quy mô 11,5 ha.

- Giống khoai tây Dự án triển khai tại đây là giống khoai tây VT2, nhập nội từ Trung Quốc & giống khoai tây lai C₁ do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam lai tạo.

2.2. Kết quả đạt được:

- Dự án đã mở lớp tập huấn kỹ thuật, chuyển giao quy trình gieo trồng, chăm sóc khoai tây cho các hộ nông dân tham gia mô hình với 121 lượt người năm 2000 & 457 lượt người vụ đông năm 2001 tham gia. Lớp tập huấn có sự tham gia của cán bộ Viện KHTNNVN và chuyên gia cây có củ của Trung tâm Cây có củ.

- Toàn bộ bà con nông dân tham gia mô hình đều thực hiện rất nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp kỹ thuật được hướng dẫn, chất lượng giống cung cấp đảm bảo vì vậy tỷ lệ mọc và cây phát triển tốt.

- Về sâu bệnh hại: Nhìn chung không có vấn đề nghiêm trọng. Song theo kinh nghiệm của địa phương thường hay xuất hiện sương muối vào tháng 11 dương lịch hàng năm tuy nhiên mức độ hại không lớn, ảnh hưởng không nhiều.

- Cây khoai tây phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương, sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất thực thu từ 17- 19 tấn/ha. Sản lượng thu được từ mô hình năm 2000 đạt khoảng 120 - 130 tấn, năm 2001 đạt sản lượng khoảng 200 tấn. Nếu tính giá thành tại thời điểm bán là 2000 đ/kg thì số tiền thu được từ mô hình năm 2000 là 240 - 260 triệu. Như vậy mỗi ha trồng khoai tây trừ chi phí bà con còn thu được từ 7 - 8 triệu đồng.

- Mô hình trồng cây khoai tây vụ đông đạt kết quả tốt, là mô hình thích hợp và có giá trị cao rất phù hợp với nguyện vọng của đảng ủy, chính quyền và bà con.

- Dự án đưa cây khoai tây trồng tại Phúc sen không những đem lại lợi nhuận về kinh tế cho đồng bào mà còn xây dựng được cho đồng bào nơi đây thêm vụ đông mà trước đó những diện tích này chỉ bỏ trống qua mùa đông. Mặt khác địa phương cơ cấu thêm cây trồng mới thích hợp trong vụ đông. Bà con được bổ xung kiến thức kỹ thuật thâm canh cây khoai tây. Mô hình cây khoai tây đông đã được lãnh đạo và nhân dân xã Phúc sen nhất trí đưa vào cơ cấu mùa vụ cho các năm tiếp sau. Không những thế mô hình này còn được bà con các xã lân cận học hỏi và triển khai trồng trong vụ đông 2001.

2.3 Đánh giá chung mô hình.

- Qua hai năm thực hiện Dự án mô hình trồng khoai tây đông tại Phúc sen, chúng ta có thể khẳng định là mô hình rất thành công, đã đạt được mục tiêu của Dự án. Tuy nhiên trong vụ đông hay bị hạn, vậy để cây khoai tây đông phát triển và cho năng suất cao cần chú ý đặc biệt đến vấn đề nước tưới trong vụ đông.

- Là loại cây trồng đầu tiên tại một xã núi đá, mô hình trồng cây khoai tây đông là mô hình thích hợp và có giá trị cao rất phù hợp với nguyện vọng của đảng uỷ, chính quyền và bà con nông dân trong xã Phúc Sen.

- Mô hình khoai tây đông đã hình thành thêm vụ đông có hiệu quả kinh tế cao, tăng thêm việc làm và thu nhập cho bà con tại đây.

3. Mô hình trồng Đậu tương vụ xuân tại Phúc sen.

3.1 Quy mô của mô hình.

- Vụ xuân năm 2001 triển khai trồng được 10 ha giống. Vụ xuân năm 2002 gieo trồng 10 ha tại 10 thôn bản của xã Phúc sen. Ngoài ra Dự án còn cung cấp thêm hai giống đậu tương khác là VX93 và ĐT84 để bà con nơi đây trồng thử nghiệm, mỗi giống 5 kg.

- Giống Đậu tương AK06 là giống có thể trồng được 3 vụ trong năm, là giống có khả năng thích nghi với các điều kiện khí hậu khác nhau, có tiềm năng năng suất cao. Giống do Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Đậu đỗ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam cung cấp.

3.2 Kết quả thực hiện.

- Dự án đã mở lớp tập huấn kỹ thuật vụ đông xuân năm 2000 - 2001 cho 54 lượt hộ nông dân, 322 lượt hộ nông dân vụ đông xuân năm 2001 - 2002, chuyển giao quy trình gieo trồng, chăm sóc đậu tương, chuyển giao quy trình gieo trồng, chăm sóc đậu tương cho các hộ nông dân tham gia mô hình với sự tham gia của cán bộ Viện KHTNNTVN và chuyên gia Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Đậu đỗ.

- Mô hình Đậu tương xuân giống AK06, VX93 và ĐT84, cho năng suất bình quân 16 - 17 tạ/ha, sản lượng ước tính 16 - 20 tấn. Các giống đậu tương cũ của địa phương chỉ cho năng suất 10 - 11 tạ/ha. Như vậy năng suất giống mới do dự án đưa vào cao hơn giống đậu tương cũ của địa phương từ 5 - 6 tạ/ha. Nếu tính giá thị

trường hiện tại 8000đ/kg thì mỗi ha trồng đậu tương AK06 thu nhập tăng thêm từ 4 - 5 triệu đồng so với trồng giống cũ.

- Các giống đậu tương VX93, ĐT84 cũng tỏ ra thích hợp với điều kiện đất đai, khí hậu địa phương và cho năng suất ngang bằng với giống AK06.

- Qua mô hình đã số đồng bào đã có thêm kiến thức trồng đậu tương giống mới, mà trước đây đồng bào chỉ làm theo kinh nghiệm, phụ thuộc vào thiên nhiên.

*** Đánh giá chung mô hình:**

- Mô hình Đậu tương xuân giống AK06 qua hai năm triển khai trồng tại Phúc Sen đã đạt được mục tiêu của Dự án. Mô hình đã được bà con nhân rộng, bà con đã để giống AK06 cho vụ sau. Các giống đậu tương VX93, ĐT84 cũng tỏ ra thích hợp với điều kiện đất đai, khí hậu địa phương và cho năng suất ngang bằng với giống AK06.

- Cây đậu tương đã được bà con nông dân xã Phúc Sen gieo trồng từ nhiều năm nhưng là giống địa phương đã bị thoái hoá, năng suất rất thấp, sâu bệnh nhiều. Việc đưa giống đậu tương AK06 vào mô hình và trồng trên đất Phúc Sen là rất phù hợp. Cây sinh trưởng phát triển tốt cho hoa quả nhiều.

- Mô hình trồng cây đậu tương là mô hình thích hợp và có giá trị cao rất phù hợp với nguyện vọng của đảng uỷ, chính quyền và nhân dân trong xã Phúc Sen.

- Cây đậu tương AK06 phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương, sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao 50 - 60kg/sào.

II. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY ĂN QUẢ:

1. Quy mô của mô hình & diện tích.

- Mô hình trồng Na dai chúng tôi triển khai tại Phúc Sen trong hai năm 2001 và 2002 với tổng diện tích 10 ha. Mô hình năm 2001 thực hiện là 4ha, triển khai tại các vườn hộ gia đình. Năm 2002 chúng tôi triển khai trồng tập trung tại xóm Lũng sâu với diện tích 6ha. Mỗi hộ gia đình ở Lũng sâu nhận được từ 100 - 300 cây Na dai.

- Năm 2002 triển khai mô hình trồng hồng Nhân hậu & mắc mật với tổng diện tích 5 ha, trong đó 3ha nhân hậu, mô hình trồng mắc mật là 2ha tại Cai bộ.

2 Kết quả đạt được:

- Dự án đã mở lớp tập huấn kỹ thuật cho 53 lượt nông dân trồng na, 170 lượt nông dân trồng hồng nhân hậu & mắc mật, chuyển giao quy trình trồng, chăm sóc cây Na dai cho các hộ gia đình tham gia dự án.

- Năm 2002 dự án đã đầu tư 3.200 cây Na dai có chiều cao 30 - 50cm, 900 cây hồng Nhân hậu và 2000 cây mắc mật để xây dựng mô hình.

- Xây dựng quy trình kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc các loại cây ăn quả phù hợp với khí hậu địa phương để cây đạt năng suất cao, bồi dưỡng đất và bảo vệ đất để sản xuất lâu dài.

- Sau khi thống kê tình hình sinh trưởng & phát triển thấy số cây na chồi chiếm 4.5 %. Toàn bộ những cây còn sống sau trồng 1 tháng sinh trưởng, phát triển rất tốt, bước đầu đã tạo được lòng tin của bà con nông dân. Đến tháng 6 năm 2002, các cây na trồng năm 2001 có chiều cao từ 1,5 - 1,9m, cây sinh trưởng tốt. Còn các cây trồng năm 2002 có chiều cao từ 0,5 - 0,7m, cây sinh trưởng phát triển tốt, sạch sâu bệnh. Có thể khẳng định cây Na dai rất phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu địa phương. Đối với cây hồng & mắc mật tỷ lệ cây sống là 99% đ và 97%. Đến cuối thán 6 năm 2002 cây hồng Nhân hậu cao trung bình 80-100 cm, cây Mắc mật cao trung bình 45-50cm.

*** Đánh giá chung mô hình:**

- Mô hình trồng cây ăn quả có giá trị cao: Na dai, hồng Nhân hậu và cây Mắc mật rất phù hợp với nguyện vọng của đảng uỷ, chính quyền và bà con nông dân trong xã Phúc Sen & Cai Bộ

- Cây Na dai, cây hồng Nhân hậu và cây Mắc mật sinh trưởng phát triển tốt, phần nào chứng tỏ được khả năng thích nghi và phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương.

- Qua hai năm tham gia thực hiện mô hình trồng cây ăn quả bà con nông dân đã học tập được khá nhiều kiến thức trồng các loại cây ăn quả nói chung và cây Na dai, hồng nhân hậu nói riêng. Từ đó bà con có thể tự bố trí cây trồng trong vườn sao cho hợp lý và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Tuy nhiên do trồng rải rác tại các vườn riêng lẻ cho nên vấn đề bảo vệ cây khó thực hiện được, tỷ lệ cây sống không cao, cây sinh trưởng chậm. Vấn đề kết quả chưa đánh giá được do dự án đã kết thúc.

III. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI

1. Mô hình chăn nuôi lợn nái Móng cái và lợn dực Landrace

1.1 Quy mô của mô hình:

Dự án cung cấp cho địa phương số lợn giống như sau:

- Lợn nái : 50 con lợn Móng Cái thuần chủng, trọng lượng TB 17-19 kg/con.

- Lợn dực : 2 con lợn dực Landrace, trọng lượng Tb 45 kg/con.

- Mỗi hộ nhận chăn nuôi 1 con, được phân chia cho 10 thôn trong toàn xã.

1.2 Kết quả và hiệu quả của mô hình.

- Đã tổ chức tập huấn 2 lượt cho tổng số hộ tham gia dự án, hướng dẫn kỹ thuật, phát tài liệu....

- Cho đến tháng 6 năm 2002, đàn lợn Móng cái của dự án ở Phúc Sen còn lại 44 con và đang sinh sản rất tốt. Đã có 8 con sinh sản lần thứ 2, số lợn con được sinh ra đến thời điểm này là hơn 400 con. Nếu ta tính giá thành lợn giống nay là 15000 đồng/kg thì mỗi con lợn con sau sinh 2 tháng tuổi có trọng lượng TB 8kg sẽ bán được 120.000 đồng. Mỗi lứa lợn TB 8 - 9 con thì bà con thu được trên 1 triệu

với điều kiện gia đình chăn nuôi các giống gia cầm khác theo đúng kỹ thuật mới. Phần nào thay đổi được suy nghĩ và cách chăm thả không khoa học tại địa phương.

- Đối với những hộ gia đình làm đúng kỹ thuật có tỷ lệ sống từ 70 - 80% thì hiệu quả kinh tế thể hiện rất rõ. Sau một năm chăn nuôi có thể thu được 18 - 20 kg gà thịt, tính ra thành tiền khoảng 450 - 500 ngàn đồng.

*** Đánh giá chung mô hình:** Qua thời gian thực hiện mô hình chăn nuôi gà Lương phượng tuy đạt được một số kết quả tốt, nhưng mô hình vẫn còn những hạn chế:

- Giống gà Lương phượng đòi hỏi chế độ chăm sóc cao vì thế chỉ có một số hộ gia đình thực hiện đúng quy trình thì tỷ lệ sống cao, còn đa số bà con chăn thả tự nhiên như giống gà tại địa phương cho nên tỷ lệ chết cao, gà chậm lớn, hay mắc một số bệnh do điều kiện chăn thả không tốt gây nên.

- Số lượng gà cung cấp cho các hộ nông dân còn ít, cho nên bà con chưa chú trọng vào đầu tư chăm sóc vì vậy hiệu quả mô hình chưa cao.

- Giống gà Lương phượng chưa thích nghi hoàn toàn với điều kiện khí hậu địa phương. Vì thế để mô hình chăn nuôi gà được nhân rộng thì cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật triệt để, vận động đồng bào thực hiện tự giác.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG HUẤN LUYỆN, TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỔ BIẾN KỸ THUẬT.

1. Huấn luyện cán bộ và phổ biến kỹ thuật cho nông dân.

- Đây được coi là một nội dung rất quan trọng của dự án. Bởi vì chỉ khi cán bộ và nông dân của địa phương hiểu và nắm vững kỹ thuật, biết cách ứng dụng và thực hành kỹ thuật đó một cách nhuần nhuyễn thì kỹ thuật đó mới thành công và mang lại hiệu quả cao cho sản xuất trong nhiều năm, kể cả khi dự án không còn triển khai tiếp. Kết quả cụ thể của nội dung này như sau:

+ Tổ chức lớp tập huấn, phát tài liệu hướng dẫn kỹ thuật theo từng thời kỳ, mùa vụ, đối tượng cây trồng, vật nuôi. Những người trực tiếp được tham gia lớp tập huấn kỹ thuật là bà con nông dân tham gia dự án, những người có nguyện vọng được học tập kinh nghiệm, bí thư, trưởng phó các thôn, cụm... với tổng cộng khoảng 1900 lượt người nông dân và 100 cán bộ kỹ thuật của các xã đã tham gia các lớp tập huấn. Tất cả nội dung tập huấn đều rõ ràng, đơn giản dễ hiểu, phù hợp với trình độ dân trí của mọi người dân địa phương vì vậy các mô hình áp dụng đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên của các lớp tập huấn, đào tạo kỹ thuật trên đều là những cán bộ khoa học có kinh nghiệm truyền đạt, kinh nghiệm thực tế chỉ đạo sản xuất, đặc biệt là ở vùng trung du, miền núi.

2. Các loại tài liệu đã được biên soạn.

• Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa thuần: BM9820, Nếp N97, AY177, Xi 23, ĐV108..

• Quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa lai Tập giao 5.

- Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu tương AK06
- Quy trình kỹ thuật thâm canh cá giống khoai tây: VT2, C₁.
- Quy trình kỹ thuật nuôi gà Lương phượng.
- Quy trình kỹ thuật nuôi lợn nái thuần Móng Cái
- Quy trình kỹ thuật nuôi lợn đực giống Landrace
- Quy trình kỹ thuật trồng cây ăn quả: hồng, na, mắc mật...
- Sách giới thiệu giống cây trồng, vật nuôi.

Tất cả tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đều được in và phát trực tiếp tới tay bà con nông dân.

3. Tổ chức thăm quan đầu bờ, học tập các mô hình tiên tiến.

- Trong hai năm, dự án tổ chức 4 hội nghị thăm quan đầu bờ các mô hình được xây dựng tại xã, với sự tham gia của đông đảo bà con nông dân và đại diện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, UBND huyện Quảng Hoà, huyện Thông Nông tỉnh Cao Bằng và một số phòng ban, cơ quan chức năng, cơ quan quản lý của tỉnh Cao Bằng và các tỉnh khác. Thông qua việc thăm quan đầu bờ, dự án cùng bà con nông dân đánh giá những thành công, cũng như còn tồn tại, rút kinh nghiệm, phát huy những thành công đã đạt được, khắc phục những điểm còn tồn tại để xây dựng các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn và nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả ra sản xuất.

4. Thông tin tuyên truyền.

- Dự án đã mời phóng viên Đài truyền hình Cao Bằng, báo Cao Bằng, đài Phát thanh tỉnh Cao Bằng tham dự các buổi Hội nghị đầu bờ, hội thảo khoa học, hội nghị sơ kết dự án để giới thiệu những kết quả thành công của dự án, khuyến khích mở rộng các mô hình có hiệu quả cao trong các xã, huyện trong tỉnh Cao Bằng

PHẦN D

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Nhận xét chung về kết quả thực hiện các nội dung dự án.

- Sau hai năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự phối hợp thường xuyên và hiệu quả của Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam, Ủy ban nhân dân hai huyện Quảng Hoà và Thông Nông, UBND xã Phúc Sen, Đa Thông và Cai Bộ và bà con nông dân tham gia mô hình dự án đã triển khai một cách thuận lợi và thu được nhiều kết quả.

- Nhìn chung tất cả các nội dung của dự án đã đạt được mục tiêu. Các mô hình về trồng trọt, chăn nuôi đã đạt nhiều kết quả khả quan. Qua các kết quả đã được chứng minh của mô hình càng khẳng định ý nghĩa và tính đúng đắn của các mục tiêu và nội dung đề ra.

- Dự án đã rất thành công trong việc xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống khoai tây đông, mô hình đậu tương xuân, mô hình thâm canh lúa, mô hình chăn nuôi lợn nái Móng Cái thuần chủng, lợn dục giống.... Các mô hình đã chứng minh được tính phù hợp trên địa bàn hai huyện Quảng Hoà và Thông Nông nói riêng và tỉnh Cao Bằng nói chung. Nhiều mô hình đã được đông đảo bà con nông dân tiếp thu, duy trì và mở rộng trong sản xuất.

- Qua hai năm thực hiện, dự án đã chuyển giao cho ba xã Phúc Sen, xã Cai Bọ và Đa Thông rất nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới (các giống lúa BM9820, N97, AYT77, Xi 23, giống khoai tây VT2, C₁, đậu tương AK06, lợn nái thuần Móng Cái, lợn dục giống Landrace, giống cây ăn quả Na dai, hồng Nhân hậu, Mắc mật....) và kèm theo các quy trình kỹ thuật mới.

- Những kỹ thuật tiên bộ này đã góp phần đáng kể vào sự phát triển hệ thống cây trồng, thay đổi tập quán canh tác của rất nhiều nông dân. Phần lớn các tiến bộ kỹ thuật này được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm khuyến nông của tỉnh Cao Bằng bà con nông dân nhiều xã đánh giá cao, tiếp nhận và mở rộng trong sản xuất.

- Qua hai năm thực hiện, dự án đã tập huấn kỹ thuật cho một lượng lớn cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của ba xã Phúc Sen, Cai Bọ, Đa Thông (2000 lượt). Cùng với việc tập huấn, dự án đã biên soạn, in ấn số lượng lớn quy trình kỹ thuật và sách hướng dẫn và phát tới tận tay bà con nông dân. Đây là một hình thức chuyển giao kỹ thuật và ứng dụng khoa học tiên bộ vào thực tiễn sản xuất đạt hiệu quả cao. Trình độ của nông dân đã được nâng lên một bước đáng kể, trình độ quản lý và chỉ đạo sản xuất của cán bộ xã, cán bộ thôn đã được cải thiện rõ rệt. Đây chính là kết quả lâu dài và bền vững của dự án.

2. Hiệu quả kinh tế trực tiếp của dự án.

2.1. Về mô hình lúa.

- Qua hai năm thực hiện dự án đã xây dựng được 33 ha lúa xuân và 17 ha lúa mùa, ước tính năng suất khi áp dụng mô hình tăng 9 tạ/ha, tổng sản lượng thóc tăng khoảng 45 - 47 tấn. Đây là con số tính toán đơn giản, dựa trên diện tích mô hình đã được xây dựng. Trong thực tế diện tích giống lúa thuần như: Xi23, AYT77, N97 đã được mở rộng rất lớn trong hai xã và quy trình kỹ thuật canh tác mới đã được ứng dụng trong toàn bộ quá trình gieo cấy của bà con nông dân, làm tăng đáng kể sản lượng lương thực của hai xã, như vậy hiệu quả trực tiếp từ mô hình lúa là rất lớn.

2.2. Mô hình đậu tương AK06.

- Diện tích mô hình giống đậu tương AK 06 là 10,0 ha, với năng suất bình quân đạt 19 tạ/ha, tăng so với một số giống địa phương là 4 tạ/ha, như vậy mô hình đã góp

phần làm tăng thêm sản lượng đậu tương là 70 - 80 tạ. Giống đậu tương AK06 có thể trồng cả ba vụ trong năm, thuận lợi cho việc bố trí tăng vụ trong năm, góp phần làm tăng năng suất và sản lượng đậu tương của xã & mở rộng mô hình.

2.3. Mô hình khoai tây đông.

- Qua hai năm thực hiện mô hình khoai tây vụ đông tại xã Phúc Sen, năng suất thu được trung bình 17 - 18 tấn/ha, tổng sản lượng mô hình trồng khoai tây vụ đông 2 năm thu được 280 - 300 tấn, nếu tính giá thành tại thị trường là 2000 đ/kg thì số tiền thu được từ mô hình là trên 500 triệu. Như vậy mỗi ha trồng khoai tây trừ chi phí bà con còn thu được khoảng 7 - 8 triệu đồng.

2.4. Mô hình chăn nuôi Lợn.

- Qua hai năm thực hiện dự án các hộ gia đình tham gia nuôi lợn nái Móng cái đều thu được 2 - 3 lứa lợn con, trung bình mỗi lứa 6 - 8 con, thì thu nhập của các hộ này được khoảng 2 - 2,5 triệu đồng.

- Mô hình chăn nuôi lợn nái Móng Cái thuần chủng và lợn dực giống Landrace đang từng bước cải tiến chất lượng đàn lợn của địa phương. Bà con nông dân có thể chủ động được con giống tốt, không phải mua từ bên ngoài, giảm chi phí đầu tư sản xuất đồng thời chất lượng con giống tốt sẽ làm tăng năng suất, tăng hiệu quả chăn nuôi.

2.5. Mô hình chăn nuôi gà Lương phượng.

Các hộ gia đình tham gia mô hình chăn nuôi gà Lương phượng thực hiện đúng kỹ thuật hướng dẫn tỷ lệ gà sống cao, mau lớn thì hiệu quả kinh tế thấy được rất rõ. Bình quân mỗi hộ thu được từ 400 - 5 00 nghìn trong thời gian thực hiện.

3. Hiệu quả về xã hội.

- Thông qua các lớp đào tạo và huấn luyện dự án đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết và tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cán bộ và bà con nông dân 3 xã Phúc Sen, Cai Bộ và Đa Thông. Hình thức này đã tạo điều kiện cho đồng bào tiếp cận với kỹ thuật mới, cách làm mới, tăng hiệu quả lao động. Qua thực tế hai năm triển khai dự án, đồng bào các dân tộc tại 3 xã được tham gia dự án đều tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới rất nhanh và hiệu quả.

- Dự án đã đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên, đội ngũ khuyến nông từ khu, thôn đến xã có trình độ cao hơn về khoa học kỹ thuật và năng lực tổ chức, chỉ đạo sản xuất. Dự án cũng tạo cơ hội để cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông của xã tiếp cận, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm, kiến thức khoa học với nhiều cán bộ khoa học giỏi của các Viện nghiên cứu và các cơ quan khoa học khác. Sau khi dự án kết thúc họ sẽ tiếp tục chủ động duy trì và phát triển tốt mối quan hệ này để học hỏi và tiếp cận nhiều hơn nữa những tiến bộ kỹ thuật mới phục vụ sản xuất của địa phương.

- Từ những hiệu quả đạt được của các mô hình sẽ kích thích tính năng động sáng tạo và lòng say mê lao động sản xuất của bà con nông dân, qua đó tăng thêm công

ăn việc làm, tăng sản xuất hàng hoá, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xoá đói, giảm nghèo và loại trừ tệ nạn xã hội, ổn định chính trị trong vùng.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

I. KẾT LUẬN.

1. Dự án " Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế- xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà), xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng", đã thực hiện đạt mục tiêu, nội dung dự án phê duyệt, đã khai thác tốt được tiềm năng sẵn có của địa phương, góp phần đưa được khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp của địa phương.

2. Các mô hình giống lúa N97, AY177, Xi23 là những mô hình đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với cả hai vụ xuân, mùa, đảm bảo thuận lợi cho việc bố trí cây trồng vụ đông., hơn hẳn các giống đang gieo trồng tại địa phương được nông dân chấp nhận mở rộng nhanh chóng trong sản xuất.

3. Mô hình đậu tương AK06 ngắn ngày, năng suất cao có hiệu quả kinh tế cao, thích ứng với đặc điểm khí hậu ở Phúc Sen, đã góp phần bổ sung thêm cơ cấu giống đậu đỗ cho địa phương.

4. Mô hình cây khoai tây được đánh giá rất cao vì là cây trồng mới có hiệu quả kinh tế trồng trong vụ đông mà trước đến nay các diện tích đó chỉ bỏ trống. Kết quả của Dự án đã đem lại tập quán mới về trồng cây khoai tây vụ đông ở xã Phúc Sen.

5. Mô hình nuôi gà Lương Phượng ở các hộ gia đình là khá phù hợp với điều kiện địa phương. Nhiều gia đình có kỹ thuật đã nuôi gà Lương Phượng thành công, cho năng suất trứng cao, đưa lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Đặc biệt, việc giao phối của gà Lương phượng và gà địa phương đã tạo ra con gà lại có tính thích ứng cao với điều kiện chăn thả của địa phương và cho năng suất trứng, thịt cao hơn gà địa phương.

6. Mô hình chăn nuôi lợn với các mục tiêu lâu dài là cải tiến chất lượng đàn lợn của địa phương, thông qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho các hộ gia đình. Đến nay dự án bước đầu cho hiệu quả của dự án. Mô hình phù hợp với nguyện vọng của nông dân và được mở rộng, thu hút sự tham gia nhiệt tình của nhiều người dân.

7. Mô hình trồng một số giống cây ăn quả có giá trị rất phù hợp với vùng nông thôn, miền núi xã Phúc Sen, Cai bộ. Mô hình đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hình thành các trang trại, giảm chặt phá rừng, tăng diện tích phủ xanh đồi trọc. Các mục tiêu này rất phù hợp với chủ trương, đường lối của huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng và Nhà nước.

8. Dự án là mô hình tốt về đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ quản lý cho cán bộ và nhân dân trong thôn, xã. Qua 2 năm thực hiện, dự án đã đào tạo 2000 lượt nông dân tham gia tập huấn kỹ thuật về trồng trọt chăn nuôi, in ấn các quy trình, sách hướng dẫn kỹ thuật.

9. Qua hai năm thực hiện, mặc dù kinh phí dự án về muộn nhưng đơn vị chuyển giao công nghệ (Viện KHKTNNVN) và đơn vị chủ trì dự án (Sở KH-CN-MT Cao Bằng) đã cố gắng mức tối đa thực hiện đúng nội dung và tiến độ. Bằng những kết quả cụ thể của các mô hình trình diễn, dự án đã giúp người dân thay đổi cách nghĩ, cách làm, thay đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

10. Trong thời gian thực hiện dự án đã có sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cơ quan chủ trì và cơ quan chuyển giao và cấp huyện và các xã thực hiện dự án. Đây là một mô hình hợp tác tốt trong chuyển giao công nghệ từ Trung ương về địa phương.

11. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và các cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án đều nhất trí đánh giá đây là dự án đạt kết quả cao, có ý nghĩa thực tiễn lớn, đáp ứng các mục tiêu và nội dung đặt ra của dự án.

II. KIẾN NGHỊ.

1. Thời gian thực hiện dự án đã xong. Kính đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cho phép nghiệm thu và thông qua dự án.

2. Đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường tiếp tục có những chương trình hỗ trợ tiếp theo để mở rộng nhanh các mô hình thành công của dự án ra các xã khác trong huyện Quảng Hoà, huyện Thông Nông và các huyện khác trong tỉnh Cao Bằng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/5 /QĐ-UB

Cao Bằng, ngày 27 tháng 11 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH
V/v thành lập hội đồng nghiệm thu dự án
mô hình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao núi đá

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND các cấp (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 21/6/1994,

Căn cứ Công văn số 53/BKHCN-NTMN, ngày 02/10/2002 về việc tổng kết nghiệm thu các dự án NTMN của Văn phòng Chương trình nông thôn miền núi,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường tại Tờ trình số 375/TT-KHCNMT, ngày 15 tháng 10 năm 2002.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án “Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen - Quảng Hoà, xã Đa Thông - Thông Nông” gồm các thành viên sau:

1/ Ông Nông Văn Páo - Phó chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng làm Chủ tịch Hội đồng.

2/ Ông Tô Vũ Hải - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó chủ tịch Hội đồng.

3/ Ông Đàm Vĩnh Kiên - Trưởng phòng quản lý KHCN, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, thư ký HĐKHCN tỉnh làm Thư ký Hội đồng.

4/ Đại diện lãnh đạo Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam làm Ủy viên.

5/ Đại diện UBND huyện Quảng Uyên làm Ủy viên.

6/ Đại diện UBND huyện Thông Nông làm Ủy viên.

7/ Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT làm Ủy viên.

8/ Đại diện Sở Tài chính - Vật giá làm Ủy viên.

9/ Đại diện Văn phòng HĐND và UBND Tỉnh làm Ủy viên.

10/ Đại diện lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông - KL Tỉnh làm Ủy viên.

11/ Đại diện UBND xã Đa Thông, huyện Thông Nông làm Ủy viên.

12/ Đại diện UBND xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên làm Ủy viên.

Điều 2: Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng:

a/ Chức năng : Tổ chức nghiệm thu dự án theo các nội dung được ghi trong thuyết minh dự án đã được Bộ Trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1429/QĐ-BKHCMT, ngày 11/8/2000.

b/ Nhiệm vụ: Báo cáo kết quả nghiệm thu trình Chủ tịch hội đồng KH&CN tỉnh phê duyệt. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu dự án, Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường hoàn chỉnh báo cáo tổng kết dự án và các tài liệu liên quan gửi Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường để Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp nhà nước tổ chức nghiệm thu dự án.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4: Các ông, bà: Chánh Văn phòng HĐND và UBND Tỉnh, Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp; Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông-KL Tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thông Nông, Chủ tịch UBND huyện Quảng Uyên, Chủ tịch UBND xã Phúc Sen, Chủ tịch UBND xã Đa Thông và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Đàm*

Nơi nhận:

- Như điều 4
- Lưu VP&NL

T/M UBND TỈNH CAO BẰNG

CHỦ TỊCH



Đàm Thơm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-----★-----

Cao bằng, ngày 01 & 02 tháng 7 năm 2002

BIÊN BẢN NGHIỆM THU MÔ HÌNH DỰ ÁN

*Thuộc Chương trình " Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học
và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn và miền núi
giai đoạn 1998 - 2002 "*

TÊN DỰ ÁN : Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà), xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng.

Ngày 01 & 02 tháng 7 năm 2002 tại UBND xã Phúc Sen huyện Quảng Hoà & UBND xã Đa Thông Huyện Thông Nông tỉnh Cao Bằng, chúng tôi gồm:

I. Cơ quan chủ trì dự án: Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường tỉnh Cao Bằng (Chủ trì nghiệm thu)

1. Ông Nông Đình Hai - Giám đốc Sở, chủ nhiệm dự án.
2. Ông Hoàng Giang - Phó Giám đốc sở.
3. Ông Hoàng Quốc Lâm - CV tổng hợp Sở, thư ký dự án.
4. Ông Trần Anh Dũng - Kế toán sở kiêm kế toán dự án.

II. Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.

1. Ông Lê Quốc Doanh - Phó viện trưởng.
2. Ông Lê Vĩnh Thảo - Trưởng bộ môn lúa Viện KHKTNN Việt Nam
3. Ông Phạm Văn Dân - Cán bộ kỹ thuật Viện, chỉ đạo thực hiện dự án tại xã Phúc Sen huyện Quảng Hoà.
4. Ông Nguyễn Xuân Dũng - Cán bộ kỹ thuật Viện, chỉ đạo thực hiện tại xã Đa Thông huyện Thông Nông & một số cán bộ của Viện.

III. Đại diện Văn phòng UBND tỉnh

Ông Lương Ich Học - Chuyên viên nông lâm nghiệp.

IV. Đại diện Sở tài chính - vật giá

Ông Đàm Đức Thịnh - Chuyên viên phòng văn xã.

V. Đại diện Sở Nông nghiệp & PTNT

Ông Lục Đức Xuân - T. phòng khoa học kỹ thuật.

VI. Đại diện địa bàn thực hiện dự án :

*** Huyện Quảng Hoà**

1. Ông Văn Sơn - T. phòng nông lâm nghiệp huyện.
2. Ông Lương Văn Mạo - Chủ tịch UBND xã Phúc Sen.
3. Ông Linh Văn Phù - Bí thư Đảng uỷ xã Phúc Sen.
4. Ông Lương Văn Lượng - Phó chủ tịch xã Phúc Sen & một số cán bộ khác.

*** Huyện Thông Nông**

1. Ông Đàm Văn Nguyên - P. phòng nông lâm nghiệp huyện.
2. Ông Hoàng Đức Hồng - Bí thư Đảng uỷ xã Đa Thông.
3. Ông Hoàng Minh Dương - Chủ tịch UBND xã Đa Thông.
4. Ông Triệu Xuân Nội - Phụ trách nông lâm xã & một số cán bộ khác.

VII. Nội dung nghiệm thu:

Nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng số 14/2000/HĐ -DANTMN ký ngày 20 tháng 9 năm 2000 giữa Sở KH&CN&MT tỉnh Cao Bằng với Viện KHKTNN Việt Nam.

Sau khi kiểm tra xem xét thực địa, thảo luận, Hội đồng nhất trí nghiệm thu mô hình với các nội dung như sau:

1. Mô hình trồng trọt:

* Đã biên soạn, hiệu chỉnh các qui trình kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, thu hoạch & bảo quản sau thu hoạch các sản phẩm: Khoai tây, đậu tương, lúa giống mới năng suất cao để áp dụng cho hai xã địa bàn thực hiện dự án & nhân rộng địa bàn sau mô hình.

* Tổ chức tập huấn, tham quan giới thiệu, hướng dẫn cụ thể các mô hình mẫu trên đồng ruộng về kỹ thuật công nghệ mới như: Đưa giống lúa mới thuần giống BM 9820, nếp N97, lúa thuần AYT 77, khoai tây lai CO, VT2, đậu tương AK 06 vào canh tác với kỹ thuật thâm canh, bảo vệ thực vật, kỹ thuật làm đất, bón phân, trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, bảo quản sản phẩm....

* Kết quả xây dựng mô hình qua hai vụ năm 2000 - 2001 & vụ năm 2001 - 2002, Viện KHKTNN đã phối hợp với Sở KH&CN&MT Cao Bằng, địa phương thực hiện dự án: Tổ chức tập huấn kỹ thuật trên lớp và đồng ruộng cho 578 lượt người, 616 hộ tham gia gieo trồng khoai tây vụ đông xuân; 376 lượt hộ gia đình gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch đậu tương cho 10 xóm của xã Phúc Sen với tổng diện tích qua hai năm thực hiện là: 20,3 ha đậu tương & 19,5 ha khoai tây. Số hộ nông dân tham gia tập huấn mô hình trồng lúa tại xã Đa Thông & Phúc

Sen 422 lượt, với tổng diện tích thực hiện qua hai vụ là 50 ha, trong đó xã Phúc sen 02 ha & xã Đa Thông 48 ha.

- Các giống lúa mới BM9820, AYT 77 & nếp N97 đưa vào sản xuất có tính thích ứng rộng, có khả năng sinh trưởng tốt tại địa phương, có khả năng kháng bệnh tốt hơn so với giống lúa địa phương cho năng suất khá cao 56 - 58 tạ/ha, chất lượng gạo tốt, đặc biệt là các giống AYT 77 & nếp N97 có rất nhiều khả năng phát triển rộng tại địa phương trong cơ cấu các vụ tiếp theo tại các xã của huyện, tỉnh.

- Mô hình trồng cây khoai tây lai CO, VT2 vụ đông trên đất ruộng núi đá là một mô hình cho kết quả tốt, lần đầu tiên một loài cây mới đưa vào canh tác được trên địa bàn, nhờ có áp dụng kỹ thuật, cây khoai tây phát triển tốt và cho năng suất khá cao đạt: 17500 kg/ha/vụ. Từ khi có mô hình bà con nông dân xã Phúc Sen có thêm một sản phẩm mới mà từ trước đến nay không có góp phần giải quyết nhu cầu về thức ăn tại chỗ trên vùng núi cao vốn rất thiếu rau xanh trong vụ đông, giải quyết thêm vụ, tạo thu nhập cho nông dân mỗi ha gần 3 triệu đồng/ha/vụ. Từ kết quả này nhân dân đã tự biết để giống phát triển, bà con các xã xung quanh đã đến thăm quan & mua giống để gieo trồng phục vụ đời sống.

- Giống đậu tương AK 06 do Viện đưa vào thực hiện trên địa bàn trong vụ đông xuân tốt hơn giống địa phương & phát triển tốt hơn so với một số giống đậu khác như DT84...với kỹ thuật thâm canh, bảo vệ thực vật, thu hoạch & bảo quản sau thu hoạch năng suất đạt 60 kg/sào (17 - 18 tạ/ha).

2. Mô hình chăn nuôi lợn, gà.

* Đã biên soạn, hiệu chỉnh các qui trình kỹ thuật về chăn nuôi, thú y: Lợn dục giống gốc Landrace, lợn giống gốc móng cái, gà giống Lương phượng để xây dựng mô hình tại địa bàn xã Phúc Sen thực hiện dự án & nhân rộng mô hình sau dự án.

* Tổ chức tập huấn, tham quan giới thiệu, hướng dẫn cụ thể các mô hình mẫu về chăm sóc và nuôi dưỡng lợn giống, lợn nái, chăm nuôi gà giống, phương pháp hộ tính, kỹ thuật tẩy uế chuồng trại, gia súc, gia cầm, kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc và nuôi dưỡng theo qui trình kỹ thuật tiên tiến, hạn chế chăn thả không chăm sóc.

* Kết quả xây dựng mô hình qua hai năm 2000 - 2002 đã vận động được 49 hộ gia đình tham gia thực hiện mô hình chăn nuôi lợn nái giống móng cái, 02 hộ nuôi lợn dục giống, 129 hộ tham gia nuôi gà Lương phượng.

Đến nay (lần đầu tiên xã được cung cấp tới 49 con & được biết cách nuôi lợn) toàn bộ số lợn nái giống gốc (40 con, bị chết 9 con) đã được phối giống. Tổng số lợn nái đã sinh sản được gần 500 con, con lớn nhất đã đạt 15 kg, nếu tính giá bán lợn giống theo giá thị trường hiện nay là 20.000/kg lợn giống thì bình quân thu nhập mỗi hộ chăn nuôi sau một năm thực hiện đạt gần 1 triệu đồng, như vậy sau dự án bình quân mỗi hộ chăn nuôi lợn giống sẽ thu nhập từ

1,5 - 2 triệu đồng/hộ/năm. Lợn đực giống & nái móng cái là cơ sở tốt để cải tạo giống lợn địa phương, kết quả lớn nhất là bà con biết & làm theo hướng dẫn, mạnh dạn áp dụng khoa học, áp dụng giống mới vào chăn nuôi để tăng thêm thu nhập xoá đói, giảm nghèo.

- Mô hình gà giống Lương phượng mặc dù sinh trưởng & phát triển tốt tại khí hậu núi đá địa phương, giống Lương phượng là loại gà giống có năng suất thịt cao, con lớn nhất hiện nay có trọng lượng 4,5 kg/con, nhưng mô hình gà không phát triển được tốt do tập quán chăn thả của nông dân, bà con không có điều kiện để thực hiện chăm sóc và áp dụng chăn nuôi theo đúng qui trình kỹ thuật, gà giống Lương phượng lại là một loại giống chỉ có khả năng đẻ trứng, không có khả năng ấp, người dân chưa quen với cách cho gà khác ấp để phát triển đàn gà, tuy nhiên hiện nay vẫn có một số hộ để dành trứng ấp theo phương pháp thủ công tạo đàn gà giống bán cho những hộ gia đình khác có nhu cầu nuôi giống gà này, đây cũng là một hạn chế của mô hình chăn nuôi gà tại địa bàn.

3. Mô hình cây ăn quả

* Đã biên soạn, hiệu chỉnh các qui trình kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật & tổ chức tập huấn, giới thiệu, hướng dẫn cụ thể mô hình mẫu trên núi về phương pháp, kỹ thuật trồng, chăm sóc cây na dai núi đá, cây mắc mận, cây hồng không hạt cho bà con nông dân tại địa bàn thực hiện dự án.

* Kết quả xây dựng mô hình qua hai vụ năm 2000 - 2001 & vụ năm 2001 - 2002, Viện KHKNT đã phối hợp với Sở KH&MT Cao Bằng, địa phương thực hiện dự án tổ chức tập huấn kỹ thuật trên lớp và đồng ruộng cho 350 lượt người với 158 hộ tham gia triển khai mô hình trồng cây ăn quả tại Phúc Sen & Cai Bộ huyện Quảng Hoà với tổng diện tích 15 ha bằng phương pháp trồng trong vườn hộ gia đình, hộ trồng nhiều nhất 100 cây, hộ ít nhất 30 cây, tạo được phong trào trồng cây ăn quả, cải tạo vườn tạp phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho người dân địa phương khi cây ăn quả vào chu kỳ thu hoạch.

* Hiện nay cây na núi đá, cây mắc mận, cây hồng không hạt đang sinh trưởng và phát triển bình thường trên đất núi đá & có khả năng nhân rộng.

VIII. Kết luận

* Cơ quan chuyển giao công nghệ đã thực hiện được các nội dung, đúng tiến độ, đạt được mục tiêu và yêu cầu của dự án, các mô hình đều đã được triển khai đúng như dự án & nội dung hợp đồng đã ký, trong đó mô hình lúa thuần AYT77 & N97, khoai tây, lợn giống móng cái rất thiết thực với đời sống bà con nông dân, có nhiều triển vọng trong việc nhân rộng mô hình, cho năng suất và chất lượng tốt, tạo được việc làm, tăng thêm thu nhập, người dân từ chỗ chưa biết áp dụng KH kỹ thuật trong sản xuất chăn nuôi & trồng trọt đã biết cần trồng cây gì, nuôi như thế nào để cho cây, con cho năng suất, chất lượng. Mô hình dự án đã đưa được giống mới vào canh tác thay thế giống cũ của địa phương năng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mô hình đã thực sự đi vào được đời sống người

đàn vùng dự án có nhiều khả năng nhân rộng ra toàn xã các vùng cao núi đá khác.

* Kết quả thu được của mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi lợn, gà. Sở KH&CN&MT, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam đã đưa được các giống mới tốt hơn giống địa phương, bước đầu thay đổi được tập quán chăn nuôi, chưa theo khoa học, các mô hình lợn dục giống, lợn móng cái giống lợn, gà giống tuy còn hạn chế về phương pháp áp dụng nhưng nó đang sinh trưởng và phát triển tốt hơn nhiều so với giống tại địa phương có thể phát triển tại địa bàn là cơ sở tốt để cải tạo đàn lợn, đàn gà của địa phương & có khả năng lớn trong việc cung cấp tinh, lợn giống cho sản xuất & chăn nuôi vì giống tốt, chóng lớn cho năng suất cao... Mô hình có khả năng nhân rộng do người nông dân ở đây rất phấn khởi háo hức hưởng ứng tham gia bà con một số xã xung quanh đến thăm quan học tập & mong cũng được hỗ trợ đầu tư để làm theo.

Hai bên thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng. Biên bản này được lập cùng ngày, thống nhất thông qua & lập thành 6 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện

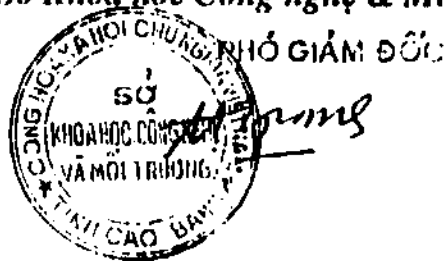
Cơ quan chuyển giao công nghệ



ĐẠI VIÊN TRƯỞNG
Đoàn

Đại diện

Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường



Nguyễn Quang

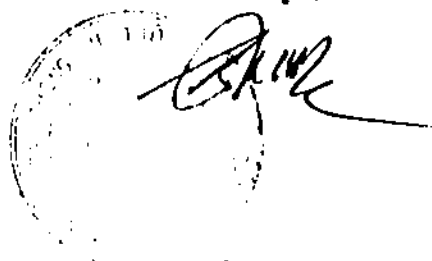
Đại diện địa bàn thực hiện dự án

UBND xã Phúc Sen



Lương Văn Mao

UBND xã Đa Thông



Nguyễn Minh Đức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----★-----

Cao bằng, ngày 01 tháng 7 năm 2002

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN MÔ HÌNH DỰ ÁN

**Thuộc Chương trình " Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học
và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn và miền núi
giai đoạn 1998 - 2002**

1. Tên dự án : *Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà), xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng.*

2. Địa phương và địa bàn nhận bàn giao tài sản dự án :

Xã Phúc Sen huyện Quảng Hoà tỉnh Cao Bằng.

3. Thành phần đoàn nghiệm thu kết quả dự án & bàn giao tài sản:

*I. Cơ quan chủ trì dự án: Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường tỉnh Cao Bằng
(Chủ trì nghiệm thu)*

1. Ông Nông Đình Hai - Giám đốc Sở, chủ nhiệm dự án.

2. Ông Hoàng Giang - Phó Giám đốc sở.

3. Ông Hoàng Quốc Lâm - CV tổng hợp Sở, thư ký dự án.

4. Ông Trần Anh Dũng - Kế toán sở kiêm kế toán dự án.

II. Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.

1. Ông Lê Quốc Doanh - Phó viện trưởng.

2. Ông Lê Vĩnh Thảo - Trưởng bộ môn lúa Viện KHKTNN Việt Nam

3. Ông Phan Văn Dân - Cán bộ kỹ thuật Viện, chỉ đạo thực hiện dự án tại xã Phúc Sen huyện Quảng Hoà.

III. Đại diện Văn phòng UBND tỉnh

Ông Lương Ích Học - Chuyên viên nông lâm nghiệp.

IV. Đại diện Sở tài chính - vật giá

Ông Đàm Đức Thịnh - Chuyên viên phòng văn xã.

V. Đại diện Sở Nông nghiệp & PTNT

Ông Lục Đức Xuân - T.phòng khoa học kỹ thuật.

VI. Đại diện địa bàn thực hiện dự án :

1. Ông Nông Văn Sơn - T. phòng nông lâm nghiệp huyện.



2. Ông Lương Văn Mạo - Chủ tịch UBND xã.

3. Ông Linh Văn Phù - Bí thư Đảng ủy xã.

4. Ông Lương Văn Lượng - Phó chủ tịch phụ trách nông lâm.

4. Nội dung bàn giao tài sản: Bàn giao kết quả thực hiện và tài sản:

Hội đồng nghiệm thu mô hình của dự án thống nhất giao:

1. Bàn giao về kết quả dự án:

- Quy trình kỹ thuật sản xuất & gieo trồng khoai tây (giống CO, VT2) vụ đông trên núi đá, kỹ thuật gieo trồng giống đậu tương AK 06, các giống cây na dai núi đá, cây mắc mận, cây hồng không hạt: Kỹ thuật làm đất, bón phân, trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, phân loại sản phẩm trước và sau khi thu hoạch, bảo quản sản phẩm....

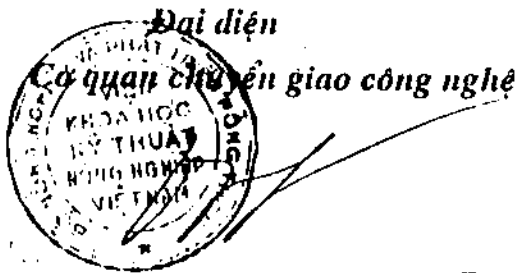
- Kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái móng cái, lợn dực giống Landrat, gà lương phượng: Kỹ thuật tẩy uế chuồng trại, gia súc, gia cầm, kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc và nuôi dưỡng, cách sử dụng thuốc thú y.....

2. Bàn giao về tài sản cho xã:

- Bàn giao toàn bộ quy trình kỹ thuật chăm sóc lợn, gà, quy trình kỹ thuật gieo trồng khoai tây giống vụ đông, các giống đậu tương AK 06, các giống cây na dai núi đá cho UBND xã Phúc sen.

- Bàn giao toàn bộ số lợn nái giống gốc đại bạch, lợn dực giống Landrat, toàn bộ số giống gà lương phượng & các giống cây trồng cho xã quản lý & sử dụng. UBND xã Phúc Sen có trách nhiệm quản lý & khai thác cải tạo đàn lợn, gà địa phương, phát triển đàn lợn, gà mới & các loại cây trồng khác của dự án phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân trong xã & để nhân rộng mô hình.

Biên bản này được lập cùng ngày, thống nhất thông qua & lập thành 6 bản có giá trị pháp lý như nhau.



Đại diện
Sở Khoa học Công nghệ & Môi trường
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Cơ sở Khoa Học

Đại diện địa bàn thực hiện dự án

UBND xã Phúc Sen



Lương Văn Mạo

Cao bằng, ngày 6. tháng 7. năm 2001

THÔNG BÁO
DUYỆT QUYẾT TOÁN NĂM 2000

(Phần kinh phí uỷ quyền)

(Ban hành kèm thông tư 21/2000/BTC ngày 16/3/2000 của Bộ Tài Chính)

m vị được duyệt : Sở khoa học công nghệ và môi trường tỉnh Cao Bằng
Mã chương 017B loại 11 khoản 01

u khi kiểm tra quyết toán kinh phí phần kinh phí uỷ quyền năm 2000 thuộc chương trình
ng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển KTXII nông thôn miền núi (của dự án
g dùng kỹ thuật tiến bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh
xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Xen huyện Quảng Hà xã Đa Thôn
uyện Thông Nông tỉnh Cao Bằng

tài chính - Vật giá thông báo quyết toán kinh phí uỷ quyền của Sở khoa học công nghệ
môi trường như sau :

Phân số liệu

Chỉ tiêu	số liệu ĐV báo cáo	Số liệu duyệt
Kinh phí năm trước chuyển sang		
Hạn mức kinh phí được phân phối trong năm	200.000.000	200.000.000
kinh phí thực nhận trong năm	200.000.000	200.000.000
Kinh phí được sử dụng	200.000.000	200.000.000
Số chỉ đề nghị quyết toán	197.198.000	197.198.000
KP giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)		
KP chưa quyết toán	2.802.000	2.802.000

I/ Số liệu chi tiết

1	TM	NỘI DUNG CHI	số liệu ĐV báo cáo	Số liệu duyệt
10		Vật tư văn phòng	500.000	500.000
	01	Văn phòng phẩm	500.000	500.000

TM	NỘI DUNG CHI	Số liệu ĐV	Số liệu duyệt
	Chi phí thuê mướn	10.000.000	10.000.000
01	Thuê phương tiện vận chuyển	5.000.000	5.000.000
99	Chi phí thuê mướn khác	5.000.000	5.000.000
	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	183.898.000	183.898.000
01	Chi mua hàng hoá, vật tư cho CMIN	107.130.000	107.130.000
03	Chi mua ,in ấn chỉ dùng cho CM của ngành	608.000	608.000
07	Chi mua súc vật dùng cho hoạt động CM	51.400.000	51.400.000
99	Chi phí khác	24.760.000	24.760.000
	Chi khác	2.800.000	2.800.000
99	Chi các khoản khác	2.800.000	2.800.000
	TỔNG CỘNG	197.198.000	197.198.000

Số chỉ đề nghị quyết toán (bằng chữ) : Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn /.

NIÊN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Đơn vị chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo tài chính theo chế độ hiện hành
Toàn bộ chứng từ gốc lưu tại đơn vị
Do dự án còn tiếp tục thực hiện, số kinh phí thừa 2.802.000 đ đơn vị được chuyển sang năm 2001 tiếp tục chi và quyết toán vào năm 2001

Nơi nhận

- Như kính gửi
- Kho bạc nhà nước
- Phòng KHNS
- Lưu phòng HCSN

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH-VẬT GIÁ



Thường Thị Phước

63.11

Đơn vị d
lã chươ
an khi
hoà học
ng dụng
m tộc v
y tài ch
của Sở /

/ Phần

/ Số li

Kinh
Hạn r
kinh j
Kinh
Số ch
KP g
KP ch

H/ Số

M /

110

119

Quyết định 93../TC-HCSN

Cao Bằng, ngày 11 tháng 01 năm 2002

THÔNG BÁO
DUYỆT QUYẾT TOÁN NĂM 2001

(Kinh phí uỷ quyền)
(Ban hành kèm thông tư 21/2000/BTC ngày 16/3/2000 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị được duyệt : Sở khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng

là chương 017B loại 11 khoản 03

Đến khi kiểm tra quyết toán phần kinh phí uỷ quyền năm 2001 thuộc chương trình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi (của dự án : ứng dụng kỹ thuật tiên bộ XD mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển KTXH đồng bào dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (quảng Hoà) xã Đa Thông (Thống Nông)

Bộ tài chính- Vật giá thông báo quyết toán kinh phí uỷ quyền

qua Sở khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng như sau :

I/ Phần số liệu

/ Số liệu tổng hợp

Chỉ tiêu	số liệu ĐV báo cáo	Số liệu duyệt
Kinh phí năm trước chuyển sang	2.802.000	2.802.000
Hạn mức kinh phí được phân phối trong năm	250.000.000	250.000.000
kinh phí thực nhận trong năm	250.000.000	250.000.000
Kinh phí được sử dụng (1+3)	252.802.000	252.802.000
Số chi đề nghị quyết toán	252.037.000	252.037.000
KP giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)		
KP chưa quyết toán	765.000	765.000

II/ Số liệu chi tiết

M	TM	NỘI DUNG CHI	Số liệu ĐV báo cáo	Số liệu duyệt
10		Vật tư văn phòng	1.919.500	1.919.500
	01	Văn phòng phẩm	1.919.500	1.919.500
19		Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	235.917.500	235.917.500

TM	NỘI DUNG CHI	Số liệu DV báo cáo	Số liệu duyệt
01	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho CMTN	216.517.500	216.517.500
06	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác CM	9.000.000	9.000.000
99	Chi phí khác	10.400.000	10.400.000
	Chi khác	14.200.000	14.200.000
99	Chi các khoản khác	14.200.000	14.200.000
	TỔNG CỘNG	252.037.000	252.037.000

chi chấp nhận quyết toán (bằng chữ) : Hai trăm năm mươi hai trệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng chẵn /.

Nhận xét và kiến nghị

- Đơn vị chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo kế toán tài chính
- Đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ, chứng từ gốc lưu tại đơn vị
- Số kinh phí thừa 765.000đ yêu cầu đơn vị nộp trả ngân sách . Lê

Nơi nhận

- Như kính gửi
- Kho bạc nhà nước
- Phòng KHNS
- Lưu phòng HCSN

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH-VẬT GIÁ



Nguyễn Văn Phúc